

CỤC THỐNG KÊ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ĐÃ NHẬN BÁO CÁO
Ngày: 22-01-2020
Người nhận: _____

ĐẾN SỐ : _____
Ngày : 30-01-2020
Chuyển: _____
Lưu hồ sơ số : _____

CHI CỤC TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
TP. HỒ CHÍ MINH
ĐẾN Số: _____
Ngày: 22-01-2020
Chuyển: _____


BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

07.02.2020

Đồng ý thực hiện công bố thông tin
doanh nghiệp theo quy định.


Nguyễn Tuyết Bình

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ quan Nước ngoài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ quan Nước ngoài là công ty Nhà nước được thành lập bởi Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 3136/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300540207, đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2010 và đăng ký thay đổi mới nhất ngày 12 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-28) 38 295 794 – 38 293 513
- Fax : (84-28) 38 230 439

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động; khách sạn;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (kinh doanh khách sạn);
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Cung ứng lao động tạm thời (cho thuê lại lao động);
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Ngô Anh Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2019
Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2019
Ông Nguyễn Tương Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015
Ông Lương Thanh Điền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 12 năm 2016

Kiểm soát viên

Kiểm soát viên của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Ngọc Phan (bổ nhiệm ngày 25 tháng 7 năm 2016).



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tương Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015
Bà Huỳnh Thị Tuyết Nhung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2015
		Miễn nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2019
Ông Hồ Trọng Trí	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2016
Ông Trần Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 7 tháng 2017

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Tương Minh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 18 tháng 11 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Tương Minh
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 01 năm 2020

Số: 1.0120/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CHỦ SỞ HỮU, HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ quan Nước ngoài (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 01 năm 2020, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa theo dõi được chi tiết các khoản công nợ có số tiền theo sổ sách như sau:

	31/12/2019	31/12/2018	
	VND	VND	
Các khoản phải thu khác	47.780.719.391	57.585.425.428	(xem thuyết minh số V.5a)
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ phải thu	4.384.215.881	3.251.552.363	(xem thuyết minh số V.12)
Các khoản phải trả khác	1.123.153.498	1.240.110.754	(xem thuyết minh số V.15a)

Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp về các khoản công nợ này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ quan Nước ngoài tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh số V.13 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính về quỹ lương năm 2019 của Công ty được tạm trích theo Phiếu trình được duyệt bởi Tổng Giám đốc ngày 21 tháng 01 năm 2020. Quỹ lương này có thể sẽ thay đổi khi được phê duyệt chính thức từ Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0099-2018-008-1

Đỗ Thị Mai Loan - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0090-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2020



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		339.778.107.340	330.574.295.318
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	66.874.567.585	43.327.121.309
1. Tiền	111		66.874.567.585	43.327.121.309
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		175.000.000.000	170.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	175.000.000.000	170.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.729.124.351	106.171.957.344
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	7.494.283.007	7.271.232.214
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	21.022.360.886	21.840.841.656
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	62.751.213.328	77.506.477.940
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(538.732.870)	(446.594.466)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	923.331.968
1. Hàng tồn kho	141		-	923.331.968
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.174.415.404	10.151.884.697
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	7.174.415.404	10.151.884.697
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		148.376.173.576	145.864.164.763
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.305.000.000	2.305.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.305.000.000	2.305.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.581.755.973	6.884.809.552
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	8.487.666.180	6.752.519.751
- Nguyên giá	222		49.333.197.309	46.809.706.505
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(40.845.531.129)	(40.057.186.754)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	94.089.793	132.289.801
- Nguyên giá	228		676.621.070	676.621.070
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(582.531.277)	(544.331.269)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	3.647.385.528	4.680.168.451
- Nguyên giá	231		46.085.008.746	46.085.008.746
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(42.437.623.218)	(41.404.840.295)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		97.842.032.075	95.994.186.760
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	97.842.032.075	95.994.186.760
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		36.000.000.000	36.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	36.000.000.000	36.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		488.154.280.916	476.438.460.081

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		161.224.356.075	152.794.186.596
I. Nợ ngắn hạn	310		104.812.726.756	92.558.640.035
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	204.874.599	246.060.575
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		72.958.029	12.389.046
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	8.785.903.669	11.673.250.627
4. Phải trả người lao động	314	V.13	6.754.682.518	7.357.580.333
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		57.500.000	42.500.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	20.724.213.839	11.699.325.171
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	59.684.726.819	51.841.765.370
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	8.527.867.283	9.685.768.913
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		56.411.629.319	60.235.546.561
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	52.067.973.606	56.291.236.420
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.17	4.343.655.713	3.944.310.141



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		326.929.924.841	323.644.273.485
I. Vốn chủ sở hữu	410		326.929.924.841	323.644.273.485
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	230.601.000.000	230.601.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	96.328.924.841	93.043.273.485
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		488.154.280.916	476.438.460.081

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lậpNguyễn Thị Đoàn Trang
Kế toán trưởngNguyễn Tương Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	139.814.708.231	136.717.525.165
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	357.098.564	288.237.514
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		139.457.609.667	136.429.287.651
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	97.893.522.858	91.880.690.473
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		41.564.086.809	44.548.597.178
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	11.887.951.575	14.725.382.723
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	185.274.852	39.901.165
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	38.926.400.313	44.942.627.048
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.340.363.219	14.291.451.688
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.738.946.560	4.782.685.527
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.787.792.228	2.526.158.019
13. Lợi nhuận khác	40		951.154.332	2.256.527.508
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.291.517.551	16.547.979.196
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.12	3.939.169.835	4.135.358.263
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.352.347.716</u>	<u>12.412.620.933</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lậpNguyễn Thị Đoàn Trang
Kê toán trưởng
Nguyễn Tương Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.291.517.551	16.547.979.196
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, V.8, V.9	2.907.688.956	2.575.856.089
- Các khoản dự phòng	03	V.6	92.138.404	221.246.103
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	61.454.312	39.901.165
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(11.643.864.958)	(14.470.221.481)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.17	399.345.572	511.793.171
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.108.279.837	5.426.554.243
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.719.676.028	(22.693.895.545)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		923.331.968	(923.331.968)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.730.007.442	(32.725.366.367)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		-	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(4.079.748.130)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(5.701.364.240)	(7.179.100.047)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.779.931.035	(62.174.887.814)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7, V.10, VII	(5.419.697.769)	(6.798.198.737)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.7, VI.7	35.454.546	95.873.636
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(175.000.000.000)	(170.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	170.000.000.000	226.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	12.216.860.276	16.320.816.335
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.832.617.053	66.118.491.234

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(6.491.772.322)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(6.491.772.322)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		23.612.548.088	(2.548.168.902)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	43.327.121.309	45.875.290.211
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(65.101.812)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	66.874.567.585	43.327.121.309

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lậpNguyễn Thị Đoàn Trang
Kế toán trưởngNguyễn Trương Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Cơ quan Nước ngoài (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ cho cơ quan nước ngoài (cho thuê nhà, cho thuê lại lao động); kinh doanh khách sạn, môi giới bất động sản; Giáo dục mầm non; Giáo dục bậc tiểu học; Dịch vụ giới thiệu việc làm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Kinh doanh Nhà và Cao ốc Văn phòng – Cơ sở 1	Số 02 – 06 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Kinh doanh Nhà và Cao ốc Văn phòng – Cơ sở 2	Số 40 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Kinh doanh Nhà và Cao ốc Văn phòng – Cơ sở 3	Số 23 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Trường Quốc tế FOSCO	Số 40 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trường Mầm non Dân lập Quốc tế FOSCO	Số 40 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Trung tâm Cung ứng Lao động	Số 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 190 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 181 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 40
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ bao gồm chi phí liên quan phần mềm máy tính. Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 05 năm.

9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 06 – 25 năm.

815-
TY
HỮU H.
TƯ V
C
HỒ CH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản. Trường hợp Công ty nhận tài sản góp vốn liên doanh thì được theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh có sự chuyển quyền sở hữu và đang trong quá trình xây dựng tài sản đồng kiểm soát được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Hội đồng thành viên phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Hội đồng thành viên phê duyệt.

15. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất – kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 03% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá dịch vụ và hoàn trả học phí phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp dịch vụ đã cung cấp từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá dịch vụ và hoàn trả học phí thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá dịch vụ và hoàn trả học phí phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá dịch vụ và hoàn trả học phí phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.159.627.901	1.058.957.255
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	65.714.939.684	42.268.164.054
Cộng	<u>66.874.567.585</u>	<u>43.327.121.309</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư vào Công ty liên kết

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313870065 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2016 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 03 tháng 5 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Khách sạn Quảng trường Quốc tế 36.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với công ty liên kết

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Khách sạn Quảng trường Quốc tế là công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ dự án 39 Nguyễn Thị Minh Khai	1.310.946.560	2.125.184.764
Thu chi hộ tiền điện, nước	-	271.544.670

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bộ Ngoại giao	2.436.591.761	2.349.591.761
Công ty Liên doanh Tổng hợp Lâm Hà (30.000 USD) ⁽¹⁾	693.300.000	694.350.000
Các khách hàng khác	4.364.391.246	4.227.290.453
Cộng	<u>7.494.283.007</u>	<u>7.271.232.214</u>

⁽¹⁾ Xem thuyết minh V.15a.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 14	20.600.000.000	20.600.000.000
Các nhà cung cấp khác	422.360.886	1.240.841.656
Cộng	<u>21.022.360.886</u>	<u>21.840.841.656</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi tiền gửi tiết kiệm	2.783.310.306	-	3.391.760.170	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	23.500.000	-	23.500.000	-
Các khoản phải thu chưa rõ nội dung, hóa đơn	47.780.719.391	-	57.585.425.428	-
Cho mượn	85.850.000	-	98.650.000	-
Tạm ứng	209.358.430	-	878.225.945	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	204.882.300	-	219.253.382	-
Nộp thừa ngân sách nhà nước	11.609.122.901	-	15.132.356.651	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	54.470.000	-	177.306.364	-
Cộng	62.751.213.328	-	77.506.477.940	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Tiền ký quỹ dịch vụ việc làm và ký quỹ thẻ taxi.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Đại Nam Việt – Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	251.521.200	176.064.840	Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	251.521.200 176.064.840
Các khách hàng khác – Phải thu tiền bán hàng	Từ 01 năm đến trên 03 năm	694.382.246	231.105.736	Từ 06 tháng đến trên 03 năm	436.281.455 65.143.349
Cộng		945.903.446	407.170.576		687.802.655 241.208.189

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	446.594.466	225.348.363
Trích lập dự phòng	92.138.404	221.246.103
Số cuối năm	538.732.870	446.594.466

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	25.736.886.178	883.146.009	8.747.908.845	11.441.765.473	46.809.706.505	
Mua trong năm	-	106.600.000	-	118.280.000	224.880.000	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.021.078.772	-	-	1.325.893.682	3.346.972.454	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.048.361.650)	(1.048.361.650)	
Số cuối năm	27.757.964.950	989.746.009	8.747.908.845	11.837.577.505	49.333.197.309	

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	20.128.705.727	303.611.363	6.465.545.545	9.218.722.666	36.116.585.301
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	21.814.952.665	353.210.086	7.125.160.040	10.763.863.963	40.057.186.754
Khấu hao trong năm	714.437.503	233.733.079	385.512.207	503.023.236	1.836.706.025
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.048.361.650)	(1.048.361.650)
Số cuối năm	22.529.390.168	586.943.165	7.510.672.247	10.218.525.549	40.845.531.129
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.921.933.513	529.935.923	1.622.748.805	677.901.510	6.752.519.751
Số cuối năm	5.228.574.782	402.802.844	1.237.236.598	1.619.051.956	8.487.666.180
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

8. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	676.621.070	544.331.269	132.289.801
Tăng trong năm		38.200.008	
Số cuối năm	676.621.070	582.531.277	94.089.793

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 485.621.070 VND.

9. Bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	46.085.008.746	41.404.840.295	4.680.168.451
Tăng trong năm		1.032.782.923	
Số cuối năm	46.085.008.746	42.437.623.218	3.647.385.528

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 29.676.480.114 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm. Chi tiết như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Dự án 64 Phó Đức Chính (*)	93.867.106.977	2.932.553.376	-	-	96.799.660.353
Các công trình khác	2.127.079.783	2.266.028.029	(3.346.972.454)	(3.763.636)	1.042.371.722
Cộng	95.994.186.760	5.198.581.405	(3.346.972.454)	(3.763.636)	97.842.032.075

(*) Bao gồm các chi phí liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 483/FOSCO-HĐNTHTKD ngày 10 tháng 6 năm 2010 của dự án Cao ốc Trung tâm Giao dịch Thương mại Quốc tế (FOSCO) tại số 64 Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh phát sinh đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 như chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng, tiền thuê đất, ...

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Xây dựng Bảo Mẫn	-	116.949.042
Các nhà cung cấp khác	204.874.599	3.491.310
Cộng	204.874.599	246.060.575

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	256.871.378	-	9.133.548.134	(9.295.530.705)	94.888.807	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.451.470.968	3.939.169.835	-	-	- 2.512.301.133
Thuế thu nhập cá nhân	-	448.861.366	2.744.039.137	(2.573.076.161)	-	- 277.898.390
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ	11.416.379.249	3.251.552.363	149.102.000.460	(152.960.028.365)	8.691.014.862	4.384.215.881
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	49.807.488.671	(49.807.488.671)	-	-
Thuế nhà thầu	-	-	32.630.190	(32.630.190)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	(10.000.000)	-	-
Cộng	11.673.250.627	10.151.884.697	214.768.876.427	(214.678.754.092)	8.785.903.669	7.174.415.404

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động trường học	Không chịu thuế
- Tiền nước	05%
- Cho thuê nhà, hoạt động ủy thác, tiền điện, điện thoại	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.291.517.551	16.547.979.196
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.398.286.025	3.999.161.007
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	19.689.803.576	20.547.140.203
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.937.960.715	4.109.428.041
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	1.209.120	25.930.222
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.939.169.835	4.135.358.263

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Năm 2019, Công ty tạm trích và tạm ứng quỹ tiền lương viên chức quản lý doanh nghiệp, quỹ tiền lương người lao động, cụ thể như sau:

- Quỹ tiền lương tạm trích cho người lao động năm 2019 là 31.202.785.440 VND; và đã tạm ứng cho người lao động năm 2019 là 25.031.629.867 VND.
- Quỹ tiền lương tạm trích cho người quản lý và kiểm soát viên năm 2019 là 3.192.000.000 VND và tạm ứng cho người quản lý và kiểm soát viên năm 2019 là 2.610.402.283 VND.
- Quỹ lương thuê ngoài trong năm 2019 là 7.779.852.930 VND sẽ được quyết toán theo số thực chi.

Quỹ lương này sẽ được phê duyệt chính thức từ Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền học phí	20.723.613.839	11.466.286.168
Tiền thuê nhà	600.000	233.039.003
Cộng	<u>20.724.213.839</u>	<u>11.699.325.171</u>

15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>28.000.000.000</u>	<u>28.000.000.000</u>
Công ty TNHH Khách sạn Quảng trường Quốc tế – Phải trả về tiền mượn	28.000.000.000	28.000.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	<u>31.684.726.819</u>	<u>23.841.765.370</u>
Kinh phí công đoàn	211.049.541	94.531.793
Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh – Tiền nhà 101 Pasteur (60.000USD) ⁽ⁱ⁾	1.390.200.000	1.391.400.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.852.477.502	1.551.150.000
Thu hộ phải trả bảo hiểm xã hội	22.107.846.278	19.564.572.823
Các khoản phải trả chưa rõ nội dung	1.123.153.498	1.240.110.754
Cộng	<u>59.684.726.819</u>	<u>51.841.765.370</u>

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Tổng Lãnh sự quán Vương Quốc Anh phải trả tiền thuê nhà số 101, đường Pasteur, quận 1, TP. Hồ Chí Minh cho Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh với số tiền là 60.000 USD. Cục thống kê đã ủy quyền cho Công ty đại diện thu hộ tiền thuê nhà, khi thu đủ 60.000USD sẽ chuyển trả lại cho Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã thu được 30.000 USD và đang theo dõi đối tượng Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh, 30.000 USD còn lại Tổng Lãnh Sự quán Vương Quốc Anh đã cản trở công nợ với Công ty Liên doanh Tổng hợp Lâm Hà do Tổng lãnh sự quán Vương Quốc Anh đã trả cho Công ty Liên doanh Tổng hợp Lâm Hà tiền thuê nhà 30.000 USD. Khi Công ty nhận được công văn số 2392/CV-UB-KT ngày 26 tháng 6 năm 1998 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chỉ đạo Công ty đại diện thu công nợ từ Công ty Liên doanh Tổng hợp Lâm Hà, Công ty phát giấy báo thu nợ và ghi nhận vừa công nợ phải thu Công ty Liên doanh Tổng hợp Lâm Hà là 30.000 USD và phải trả Cục thống kê TP. Hồ Chí Minh 30.000 USD. Do đó, tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2019, Công ty ghi nhận công nợ phải trả Cục thống kê là 60.000 USD và phải thu Công ty Liên doanh Tổng hợp Lâm Hà 30.000 USD.

15b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô – Thu tiền dự án hợp tác kinh doanh nhà 64 Phó Đức Chính	28.022.798.027	28.022.798.027
Công ty TNHH Minh Long – Thu tiền dự án hợp tác kinh doanh nhà 64 Phó Đức Chính	16.854.725.579	16.854.725.579
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	7.190.450.000	11.413.712.814
Cộng	52.067.973.606	56.291.236.420

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Điều chỉnh của năm trước ⁽ⁱ⁾	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.849.075.073	1.560.139.272	(704.646.750)	(827.039.972)	1.877.527.623
Quỹ phúc lợi	7.257.030.507	6.240.557.088	(2.818.587.000)	(4.807.624.268)	5.871.376.327
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	579.663.333	266.000.000	-	(66.700.000)	778.963.333
Cộng	9.685.768.913	8.066.696.360	(3.523.233.750)	(5.701.364.240)	8.527.867.283

- (i) Trong năm Công ty điều chỉnh trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 do Công ty tự đánh giá xếp loại B (năm trước Công ty tự đánh giá xếp loại A).

17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Thực hiện theo Công văn 990/UBND-CNN ngày 27 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Công ty đã trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ cho năm tài chính 2019 với tỷ lệ 03% lợi nhuận kế toán trước thuế. Tình hình trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

Số đầu năm	3.944.310.141
Trích lập quỹ	458.745.572
Sử dụng trong năm	59.400.000
Số cuối năm	4.343.655.713

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	230.601.000.000	89.319.487.205	353.445.171	320.273.932.376
Điều chỉnh quỹ các năm trước	-	-	209.254.463	209.254.463
Điều chỉnh quỹ lương kỳ trước do quyết toán	-	-	60.000.000	60.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	12.412.620.933	12.412.620.933
Trích lập các quỹ	-	3.723.786.280	(10.964.717.113)	(7.240.930.833)
Chuyển lợi nhuận vào ngân sách Nhà nước	-	-	(2.070.603.454)	(2.070.603.454)
Số dư cuối năm trước	230.601.000.000	93.043.273.485	-	323.644.273.485
Số dư đầu năm nay	230.601.000.000	93.043.273.485	-	323.644.273.485
Lợi nhuận trong năm	-	-	11.352.347.716	11.352.347.716
Trích lập các quỹ	-	3.285.651.356	(11.352.347.716)	(8.066.696.360)
Điều chỉnh quỹ của năm trước	-	-	3.523.233.750	3.523.233.750
Cần trừ với lợi nhuận nộp thừa ngân sách nhà nước	-	-	(3.523.233.750)	(3.523.233.750)
Số dư cuối năm nay	230.601.000.000	96.328.924.841	-	326.929.924.841

18b. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty tạm đã phân phối lợi nhuận theo quy định tại Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ (Công ty tự đánh giá xếp loại A) như sau:

	Số tiền (VND)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận)	3.285.651.356
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (03 tháng lương)	7.804.696.360
Trích lập Quỹ thưởng Ban điều hành (1,5 tháng lương)	262.000.000
Cộng	11.352.347.716

Ngoài ra, trong năm Công ty điều chỉnh trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2018 do Công ty tự đánh giá xếp loại B (năm trước Công ty tự đánh giá xếp loại A).

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**19a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư tiền có gốc ngoại tệ là 1.837.310,58 USD (số đầu năm là 793.031,37 USD).

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Nguyên nhân xóa sổ
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Sundland	-	402.130.504	-	402.130.504	Không có khả năng thu hồi
Milcon Gulf	-	299.493.359	-	299.493.359	Không có khả năng thu hồi
Independent Seafoods	-	287.092.000	-	287.092.000	Không có khả năng thu hồi
Hwei Lee Precision	-	3.854.900	-	3.854.900	Không có khả năng thu hồi
Wendy Huỳnh Như Nguyễn	-	20.933.744	-	20.933.744	Không có khả năng thu hồi
Cộng		1.013.504.507		1.013.504.507	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê nhà	84.293.586.190	80.288.135.023
Doanh thu dạy học, nuôi dạy trẻ	29.641.808.645	30.363.193.054
Doanh thu phí dịch vụ trả lương	16.003.592.200	15.845.189.830
Doanh thu điện, điện thoại, nước thu chi hộ	7.400.745.966	7.818.806.687
Doanh thu dịch vụ ủy thác nhà	27.213.453	51.161.815
Doanh thu khác	2.447.761.777	2.351.038.756
Cộng	139.814.708.231	136.717.525.165

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hoàn trả học phí	357.098.564	109.255.000
Giảm tiền thuê nhà, tiền điện, tiền nước	-	178.982.514
Cộng	357.098.564	288.237.514

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Phí dịch vụ hoạt động trường học	23.090.668.848	21.976.805.122
Chi phí cải tạo, sửa chữa nhà	67.130.137.196	63.166.672.777
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.672.716.814	6.737.212.574
Cộng	97.893.522.858	91.880.690.473

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	11.608.410.412	14.374.347.845
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	50.655.121	145.169.218
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	228.886.042	205.865.660
Cộng	<u>11.887.951.575</u>	<u>14.725.382.723</u>

5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	123.820.540	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	61.454.312	39.901.165
Cộng	<u>185.274.852</u>	<u>39.901.165</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	20.460.305.685	17.178.808.439
Chi phí điện, nước, điện thoại	568.196.746	558.359.343
Chi phí khấu hao tài sản cố định	694.445.592	448.260.357
Công cụ lao động	402.075.522	937.349.539
Thuế, phí và lệ phí	4.818.940.726	10.597.726.588
Chi lễ tân, hội nghị	5.101.620.494	5.120.101.598
Chi phí công tác, giao dịch	1.615.592.335	2.333.286.624
Chi phí quảng cáo	33.181.818	17.870.000
Chi tuyển dụng, đào tạo	36.975.000	94.000.000
Chi phí dự phòng	92.138.404	221.246.103
Lê phí giao thông, xăng dầu	371.312.803	512.405.591
Sửa chữa thường xuyên	467.732.667	2.593.091.562
Văn phòng phẩm, in ấn, báo chí	346.381.860	320.818.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	389.702.807	264.943.644
Trích lập Quỹ phát triển khoa học & công nghệ	458.745.572	511.793.171
Các chi phí khác	3.069.052.282	3.232.565.522
Cộng	<u>38.926.400.313</u>	<u>44.942.627.048</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu kinh phí ngoại giao	2.340.727.272	2.500.000.000
Thu nhập từ dự án 39 Nguyễn Thị Minh Khai	1.310.946.560	2.125.184.764
Lãi thanh lý tài sản cố định	35.454.546	95.873.636
Các khoản khác	51.818.182	61.627.127
Cộng	<u>3.738.946.560</u>	<u>4.782.685.527</u>



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CƠ QUAN NƯỚC NGOÀI

Địa chỉ: 124 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm là 2.501.160.000 VND (năm trước là 1.747.749.856 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH Khách sạn Quảng trường Quốc tế là công ty liên kết.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch giữa Công ty với Công ty TNHH Khách sạn Quảng trường Quốc tế được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.15.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lập

Nguyễn Thị Đoàn Trang
Kế toán trưởng



Nguyễn Tương Minh
Tổng Giám đốc

